SỞ Y TẾ THANH HOÁ **BVĐK NGA SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 462/QĐ-BVNS	*Nga Sơn, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua bổ sung vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tháng 11/2026 tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công sửa đổi bổ sung và luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Theo đề nghị của Hội đồng đấu thầu Bệnh viện đa khoa Nga Sơn tại tờ trình số 388./TTr-HĐĐT ngày 19/11/2026 về việc trình Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: "Mua bổ sung vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tháng 11/2026 tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: "Mua bổ sung vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tháng 11/2026 tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn" với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm. (*Chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm)*

Scanned with CamScanner

Điều 2. Hội đồng đấu thầu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Hội đồng đấu thầu và các phòng ban chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGA SƠN

Ngô Công Nghiêm

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC I

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự toán mua sắm: " Mua bổ sung vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tháng 11/2026 tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn"

(Kèm theo Quyết định số: 462/QĐ-BVNS ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Nga Sơn)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện đa khoa Nga Sơn	Mua bổ sung vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tháng 11/2026 tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn	Cung cấp vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán cho bệnh viện	**467.922.850**	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, qua mạng, trong nước	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 11/2026	Theo đơn giá cố định	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 467.922.850 đồng **(*Bằng chữ*: Bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng)**													

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC II
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: "Mua hoá chất sử dụng cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Bệnh viện đa khoa Nga Sơn năm 2026-2028"
(Kèm theo Quyết định số: 463/QĐ-BVNS ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Nga Sơn)

STT Lô	STT hàng hoá	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Quy cách	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
1		Hoá chất xét nghiệm											
	1	Chất rửa 80A	ml	2.400	6.250	15.000.000	600mL x 4	2026 trở về sau	71262	Arkray	Arkray	Nhật Bản	Thành phần Gồm: Sodium azide: <=0.01 %; Oxidizing agent: <=0.7%; Phosphate: <=1%.
	2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	ml	1.360	72.500	98.600.000	1x60mL+1x20mL	2026 trở về sau	11785	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL cholesterol, Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm MES 50 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase < 1,0 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, peroxidase > 1,0 U/mL, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6; Thuốc thử B chứa đệm MES 50 mmol/L, N-ethyl-N-(2hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS) 1,0 mmol/L, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6; Phương pháp: Đo quang, Direct TOOS; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 8,42 - 700 mg/dL (0,22 - 18,1 mmol/L); Giới hạn phát hiện: 2,79 mg/dL (0,07 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%
	3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL	ml	1.360	50.000	68.000.000	1x60mL+1x20mL	2026 trở về sau	11757	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL cholesterol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm MES 100 mmol/L, polyme, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 6,5; Thuốc thử B chứa đệm MES 50mmol/L, cholesterol esterase 1,0 U/mL, peroxidase 1,0 U/mL, cholesterol oxidase 0,5 U/mL, N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS) 4,5 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 5,5; Phương pháp: Đo quang, Direct TOOS; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Dải đo: 7,66 - 180 mg/dL (0,2 – 4,66 mmol/L); Giới hạn phát hiện: 1,90 mg/dL (0,05 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 4%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,5%
	4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides MR	ml	300	52.500	15.750.000	1x25mL	2026 trở về sau	11550	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	"+ R1: Monoreagent. PIPES buffer 50 mmol/L pH 6.8, LPL≥ 1.2 KU/L, GK ≥ 1 KU/L, GPO ≥ 1.9 KU/L, ATP 2 0 mmol/L, Mg2+ 40 mmol/L, POD ≥ 2.5 KU/L, 4-AA 0 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, non-ionic tensioactives 2 g/L (w/v), sodium azide 0.05 g/L. + CAL: Triglyceride Standard. Glycerol 2,26 mmol/L, tương đương với 200 mg/dL glycerol trioleate - Quy cách: 4 x 100mL"
	5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	ml	300	27.850	8.355.000	2x40mL+2x10mL	2026 trở về sau	13921	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP; Thành phần: Thuốc thử A chứa Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6; Thuốc thử B chứa Hỗn dịch hạt latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L; Phương pháp: Đo độ đục, Latex; Loại mẫu: Huyết thanh; Giới hạn phát hiện: 1,2 mg/L; Giới hạn tuyến tính: 150 mg/L; Độ lặp lại: CV ≤ 4,5%, Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,5%
	6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Bun - UV	ml	3.075	7.600	23.370.000	4x40mL+4x10mL+1x5mL	2026 trở về sau	11516	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: Thuốc thử A chứa dung dịch đệm Tris 100 mmol/L, 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L, urease > 140 U/mL, glutamat dehydrogenase > 140 U/mL, ethylenglycol 220 g/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0; Thuốc thử B chứa NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Chất hiệu chuẩn chứa Glucose 100 mg/dL, ure 50 mg/dL (8,3 mmol/L, BUN 23,3 mg/dL), creatinin 2 mg/dL; Phương pháp: Quang phổ, Urease/Glutamate Dehydrogenase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 2,5 mg/dL ure (1,17 mg/dL BUN hoặc 0,42 mmol/L ure); Giới hạn tuyến tính: 300 mg/dL ure (140 mg/dL BUN hoặc 50 mmol/L ure); Độ lặp lại: CV ≤ 3,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,5%
	7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	ml	2.525	2.050	5.176.250	1x500mL+1x5mL	2026 trở về sau	11504	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng protein; Thành phần: Thuốc thử chứa Đồng (II) acetat 6 mmol/L, kali iod 12 mmol/L, natri hydroxid 1,15 mol/L, chất tẩy rửa; Chất hiệu chuẩn chứa Albumin bò; Phương pháp: Quang phổ, Biuret; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 4,6 g/L; Giới hạn tuyến tính: 150 g/L; Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2%
	8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	ml	2.500	4.950	12.375.000	5x50mL+5x50mL	2026 trở về sau	12502	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Thuốc thử A chứa Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa; Thuốc thử B chứa Acid picric 25 mmol/L, Phương pháp: Jaffé Compensated; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương, Nước tiểu; Giới hạn phát hiện: 0,1 mg/dL (8,57 µmol/L); Giới hạn tuyến tính: 20 mg/dL (1768 µmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 4,5% (huyết thanh, nước tiểu); Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6% (huyết thanh, nước tiểu)
	9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	ml	3.500	5.800	20.300.000	1x400ml + 1x100ml	2026 trở về sau	11567	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT; Thành phần: Thuốc thử A chứa Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8; Thuốc thử B chứa NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Phương pháp: IFCC; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,67 U/L (0,028 µkat/L); Giới hạn tuyến tính: 800 U/L (13,3 µkat/L); Độ lặp lại: CV ≤ 1,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 6%
	10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	ml	3.500	5.800	20.300.000	1x400mL+1x100mL	2026 trở về sau	11568	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT; Thành phần: Thuốc thử A chứa Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3; Thuốc thử B chứa NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L; Phương pháp: IFCC; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,6 U/L (0,027 µkat/L); Giới hạn tuyến tính: 800 U/L (13,3 µkat/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,5%
	11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ-Glutamyltransferase (GGT)	ml	1.400	11.500	16.100.000	1x160mL+1x40mL	2026 trở về sau	11520	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng gamma-GT; Thành phần: Thuốc thử A chứa Glycylglycin 206,25 mmol/L, natri hydroxid 130 mmol/L, pH 7,9; Thuốc thử B chứa gamma-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilid 32,5 mmol/L; Phương pháp: IFCC; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 1,6 U/L (0,03 µkat/L); Giới hạn tuyến tính: 600 U/L (10 µkat/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%
	12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	ml	2.000	10.950	21.900.000	10x50ml	2026 trở về sau	12528	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglycerid; Thành phần: Thuốc thử chứa đệm Pipes (piperazin-N,N'-bis(acid 2-ethanesulfonic)) 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7; Phương pháp: Quang phổ, Glycerol Phosphate Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 4,4 mg/dL (0,05 mmol/L); Giới hạn tuyến tính: 600 mg/dL (6,78 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3%
	13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	ml	2.000	5.300	10.600.000	10x50ml	2026 trở về sau	12505	Biosystems	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Thuốc thử chứa Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7; Phương pháp: Đo quang, Cholesterol Oxidase/Peroxidase; Loại mẫu: Huyết thanh, Huyết tương; Giới hạn phát hiện: 0,9 mg/dL (0,023 mmol/L), Giới hạn tuyến tính: 1000 mg/dL (26 mmol/L); Độ lặp lại: CV ≤ 2%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3,5%

Scanned with CamScanner

STT Lô	STT hàng hoá	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Quy cách	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
	14	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	ml	234.000	145	33.930.000	18 L/Can	2026 trở về sau	T436D	Nihon Kohden	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	"Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sul phate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE_IVDR -Có CFS G7"
	15	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	ml	12.000	5.420	65.040.000	500 ml/Can	2026 trở về sau	T498	Nihon Kohden	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	"Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE_IVDR -Có CFS G7"
2		Sinh phẩm chẩn đoán											
	16	Bộ nhuộm lao	Bộ	1	1.300.000	1.300.000	Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	2026 trở về sau	B250902	MELAB	Công ty cổ phần Semund	Việt Nam	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylen Blue chai 250ml. Kiểm tra chất lượng trên từng lô hàng với tối thiểu các chủng chuẩn Mycobacteria tuberculosis, Escherichia coli ATCC® 25922 - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng
	17	Que thử xét nghiệm định tính HbsAg	Test	400	38.304	15.321.600	Hộp 100 test	2026 trở về sau	7D2943	Determine	Abbott Diagnostics Medical Co., Ltd	Nhật Bản	"Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu ≥ 99,6%; - Giới hạn phát hiện 0.1IU/ml. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút , - Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. - Thể tích sử dụng: 50 µL . Đạt tiêu chuẩn WHO PQ - Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. - Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R. - Đạt tiêu chuẩn ISO"
3		Vật tư y tế											
	18	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Can	10	1.250.000	12.500.000	Can 3,78L	2026 trở về sau	20391	CIDEX	Systagenix Wound Management Limited	Anh	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy.
	19	Sáp Parafin	Kg	50	72.600	3.630.000	Bao 50kg	2026 trở về sau	Parafin wax	Petrochina Fushun Petrochemical	Petrochina Fushun Petrochemical Company	Trung Quốc	Chất rắn dạng sáp màu trắng, không mùi
	20	Đầu côn xanh	Cái	3.000	85	255.000	500 cái/túi	2026 trở về sau	HDTG03	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse.
	21	Đầu côn vàng	Cái	3.000	40	120.000	1.000 cái/túi	2026 trở về sau	HDTG02	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse.
Tổng cộng:						467.922.850							

Scanned with CamScanner